

Khái lược một số công trình nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình

Hồ Diệu Huyền^(*)

Tóm tắt: Phân công lao động là một chủ đề nghiên cứu nền tảng trong xã hội học, được các nhà khoa học quan tâm từ rất sớm nhằm chỉ ra thực trạng, vai trò, tác động... của vấn đề này đối với đời sống kinh tế - xã hội trong các giai đoạn, thời kỳ, khu vực khác nhau. Trên cơ sở khảo cứu các nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan tới phân công lao động, bài viết khái quát về tình hình nghiên cứu phân công lao động trong gia đình, qua đó làm rõ những điểm mới trong nghiên cứu và triển vọng triển khai lĩnh vực này ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Gia đình, Phân công lao động, Phân công lao động trong gia đình

Abstract: The division of labor as a fundamental research topic has early been of great interest to sociologists to indicate the situation, role, and impacts of the division of labor in socio-economic life in different stages, periods, and regions. Based on a literature review on the division of labor by Vietnamese and international scholars, the paper provides a summary remark, thereby presenting new highlights in their works and research potentials in Vietnam in the near future.

Keywords: Family, Division of Labor, Division of Labor within Families

Ngày nhận bài: 05/7/2024; Ngày duyệt đăng: 10/02/2025

1. Mở đầu

Gia đình là “tế bào” của xã hội, là thiết chế cơ bản trong cơ cấu tổ chức xã hội. Thiết chế này liên tục biến đổi theo sự phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện địa lý, nhận thức hôn nhân - tình yêu và các giá trị đạo đức. Phân công lao động gia đình là yếu tố khách quan, đảm bảo sự ổn định, bền vững của gia đình. Đây được coi là vấn đề nghiên cứu rộng, cần tiếp tục đào sâu, trong bối cảnh xã hội không ngừng biến đổi, kéo theo sự điều chỉnh của các thiết chế bao gồm cả gia đình.

2. Các nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình

Nguồn gốc của phân công lao động trong gia đình

Trong tác phẩm *Bàn về cơ cấu xã hội*, Murdock (1972) khẳng định: gia đình hạt nhân và các mối liên kết của nó đảm nhiệm bốn chức năng cơ bản của đời sống xã hội: tình cảm - tình dục, kinh tế, tái sản xuất và giáo dục. Tiếp nối mạch nghiên cứu này, Thanh Lê (2003) nhấn mạnh: sự hợp tác kinh tế dựa trên phân công lao động giới là yếu tố duy trì gia đình hạt nhân. Sự hợp tác này không chỉ củng cố quan hệ cha mẹ - con cái mà còn duy trì liên kết giữa anh chị em trong gia đình. Đặc biệt ở các xã

^(*) ThS., Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: huyendieuho0807@gmail.com, 0972165640

hội công nghiệp hiện đại, chức năng sản xuất và lao động tập thể của gia đình hạt nhân dần biến mất.

Từ điển Xã hội học Oxford năm 2012 định nghĩa: phân công lao động gia đình là việc phân chia các nhiệm vụ, vai trò và bổn phận trong phạm vi gia đình (Dẫn theo: Bùi Thế Cường và cộng sự, 2012). Còn phân công lao động theo giới tính trong gia đình được hiểu là việc phân công các công việc, các trách nhiệm khác nhau giữa nam và nữ. Sự phân công này là do xã hội gán cho mỗi giới và được truyền tải từ thế hệ này sang thế hệ khác nên được mọi thành viên của từng cộng đồng nắm vững (Theo: Hoàng Thị Nga, 2015).

Các nhân tố ảnh hưởng đến phân công lao động trong gia đình

Lợi nhuận gia tăng là động lực quan trọng định hình phân công lao động theo giới, đặc biệt trong phân bổ thời gian và đầu tư vốn nhân lực. Do công việc nội trợ và chăm sóc con cái đòi hỏi nhiều nỗ lực, phụ nữ có xu hướng giảm cường độ lao động mỗi giờ so với nam giới, dù tổng thời gian làm việc tương đương. Hệ quả là, phụ nữ đã kết hôn thường có thu nhập theo giờ thấp hơn nam giới cùng vốn nhân lực, đồng thời họ chọn công việc ít áp lực hơn để cân bằng trách nhiệm gia đình. Những yếu tố này duy trì chênh lệch thu nhập và cơ cấu nghề nghiệp theo giới (Becker, 1985).

Tổng thời gian lao động của phụ nữ, bao gồm cả lao động không được trả lương và lao động được trả lương thường cao hơn nam giới. Điều này có thể dẫn đến cảm nhận về sự bất công, góp phần định hình nhận thức về bất bình đẳng giới. Trong khi đó, nam giới với tổng thời gian lao động thấp hơn có thể ít nhận thức rõ ràng về bất bình đẳng, thường chỉ phản ánh qua cảm giác đồng cảm hoặc mặc cảm với người bạn đời (Sayer và cộng sự, 2009). Theo

Nguyễn Minh Nhâm, Đặng Ánh Tuyết (2009), phân công lao động trong gia đình vẫn là một biểu hiện sinh động của bất bình đẳng giới.

Vấn đề phân công lao động giữa nam giới và nữ giới cho thấy việc tiếp cận, kiểm soát và thụ hưởng các nguồn lực. Sự phân công này thể hiện rõ trong hoạt động lao động - sản xuất và công việc gia đình. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy vẫn xuất hiện bất bình đẳng trong phân công lao động trong gia đình, đặc biệt với nhóm phụ nữ nghèo nhất khi phải chịu gấp đôi gánh nặng của cả công việc được trả lương và công việc chăm sóc không được trả lương (UN Women, 2016: 3).

Theo Đỗ Hoàng (2006), định kiến giới trong gia đình thể hiện qua quan niệm nam giới là trụ cột kinh tế, phụ nữ gắn với công việc nội trợ. Nam giới được coi là phù hợp với vai trò lãnh đạo, quyết định, trong khi phụ nữ ở vị trí phụ thuộc. Tuy nhiên, bản sắc giới không mang tính bẩm sinh, mà hình thành qua quá trình xã hội hóa, phản ánh chuẩn mực và kỳ vọng xã hội theo từng giai đoạn phát triển.

Quan điểm quyết định luận sinh học cho rằng, sự khác biệt giới trong vai trò xã hội, quan hệ quyền lực, phân công lao động trong gia đình và xã hội bắt nguồn từ yếu tố sinh học. Các chiến lược tái sinh sản, hormone, cấu trúc não bộ và nhịp sinh học được xem là nguyên nhân tạo nên sự khác biệt này. Theo đó, sự thống trị của nam giới, tính thụ động của nữ giới, hay sự khác biệt về trí tuệ và cảm xúc giữa hai giới được coi là hệ quả tất yếu của đặc điểm sinh học và phân hóa chức năng não bộ (Vũ Mạnh Lợi, 2000).

Bàn về các nhân tố ảnh hưởng đến thời gian dành cho công việc được trả lương và không được trả lương theo giới trong gia đình, nhóm tác giả T. Lippe, J. Ruijter, E.

Ruijter, W. Raub (2011) nhấn mạnh vai trò của thể chế, kinh tế, chính sách và văn hóa. Nghiên cứu trên 17 quốc gia giai đoạn 1965-1998 cho thấy, tại các nền kinh tế phát triển và quốc gia có tỷ lệ cơ sở chăm sóc trẻ em cao, nam và nữ tham gia nhiều hơn vào công việc được trả lương, dù thời gian lao động giảm sau khi có con. Về tác động văn hóa, phụ nữ có học vấn cao và đã kết hôn ở các xã hội hội nhập sâu rộng thường làm nội trợ nhiều hơn và ít tham gia lao động có trả lương so với phụ nữ ở các nền văn hóa khác.

Nhiều nghiên cứu cho thấy hệ tư tưởng giới ảnh hưởng đến phân công lao động gia đình. Một nghiên cứu thực nghiệm trên 2.719 cặp vợ chồng về sự tham gia của nam giới vào công việc nội trợ kết luận rằng, ngay cả khi kiểm soát các yếu tố như vốn thị trường và tình trạng hôn nhân, hệ tư tưởng giới của vợ và chồng vẫn có tác động đáng kể. Phân công lao động trong gia đình phản ánh sự thỏa thuận giữa hai bên về các yếu tố đầu vào (thu nhập) và kết quả (phân chia công việc nhà) (Greenstein, 1996).

Cũng có nhiều nghiên cứu làm rõ các yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến việc phân công lao động trong gia đình của các cặp vợ chồng. Matthew W. Carlson và Jason D. Hans (2020) đã phỏng vấn sâu 20 cặp vợ chồng dị tính có thu nhập kép. Kết quả cho thấy, các cặp đôi phân công công việc gia đình theo cách tối ưu cho cả hai. Khi phát sinh vấn đề liên quan đến nhiệm vụ cụ thể hoặc phân công lao động chung, họ điều chỉnh để giảm thiểu tác động tiêu cực.

Hình thức phân công lao động trong gia đình

Phân công lao động trong gia đình có thể được đánh giá dựa trên tổng khối lượng công việc của các thành viên (Braun và cộng sự, 2008). Tuy nhiên, nhóm nghiên

cứ cũng cho rằng, nếu một cá nhân đảm nhận nhiều công việc nhà hơn nhưng bù lại ít tham gia lao động có trả lương, thì sự phân chia không cân đối này vẫn có thể được xem là công bằng.

Có hai loại lao động gia đình là nội trợ và chăm sóc con cái (Newkirk và cộng sự, 2017). Hồ Ngọc Châm (2015) định nghĩa: công việc nội trợ là những hoạt động đáp ứng trực tiếp nhu cầu của các thành viên gia đình. Các công việc nấu nướng, dọn dẹp, chăm sóc trẻ em, người già và người bệnh tại gia đình thường được hiểu là công việc chăm sóc không lương, giữ vai trò thiết yếu đối với đời sống con người và sự vận hành của nền kinh tế thị trường. Nguyễn Đức Mạnh (2005) cũng cùng chung quan điểm khi cho rằng: Công việc nội trợ bao gồm những việc căn bản của mỗi gia đình nhằm hướng vào quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc các thành viên trong gia đình, hay nói cách khác, đó là những công việc hướng vào tái sản xuất sức lao động cho gia đình.

Dựa trên nhật ký thời gian theo chiều dọc và dữ liệu khảo sát từ các cặp vợ chồng có thu nhập kép trong giai đoạn chuyển sang làm cha mẹ, Tara Koster và cộng sự (2021) kết luận rằng: phân chia lao động được trả lương và không được trả lương có sự thay đổi. Theo nhật ký thời gian, người mẹ thường đảm nhận phần lớn việc chăm sóc con cái mà không giảm giờ làm việc có trả lương (Yavorsky và cộng sự, 2015). Sự công bằng trong phân công lao động hộ gia đình được đánh giá trong mối tương quan với tổng khối lượng công việc thay vì tách biệt từng loại lao động (Koster và cộng sự, 2021).

Những thay đổi về khối lượng công việc mà phụ nữ phải đảm nhiệm trong trường hợp khẩn cấp dường như không phụ thuộc vào sự sắp xếp công việc của người

bạn đời. Ngược lại, lượng thời gian nam giới dành cho công việc phụ thuộc vào sự sắp xếp công việc của người vợ (Del Boca và cộng sự, 2020). Gần như tất cả các nghiên cứu định lượng xem xét mối liên hệ giữa sự phân công lao động trong gia đình và hệ tư tưởng giới đều phát hiện ra rằng việc nhà có ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng giới (Carlson và cộng sự, 2013).

Tuy nhiên, có góc nhìn khác về vấn đề này, nghiên cứu của Shira Offer (2014) nhấn mạnh: Người mẹ dành nhiều thời gian chăm sóc con cái hơn người cha, nhưng sự chênh lệch này chủ yếu là do người mẹ thường xuyên tham gia vào các hoạt động không lấy trẻ làm trung tâm (tức là chăm sóc trẻ không tập trung và thụ động). Việc chăm sóc trẻ thường xuyên có liên quan đến sự gia tăng căng thẳng và giảm mức độ tham gia vào các hoạt động cá nhân hoặc xã hội, nhưng chỉ xảy ra ở người mẹ. Người mẹ cũng ít có cơ hội phối hợp cùng chồng trong việc chăm sóc con cái.

Theo Nguyễn Hữu Minh, Nguyễn Thị Phương (2021), phân công lao động giữa vợ và chồng là một chỉ báo quan trọng đo lường mức độ bình đẳng giới trong gia đình, qua đó tác động đến mục tiêu phát triển bền vững. Hiện nay, sự chia sẻ công việc giữa hai giới tăng lên, nhưng tính đặc thù giới vẫn duy trì. Phụ nữ dành nhiều thời gian hơn cho công việc gia đình so với nam giới. Đáng chú ý, phần lớn người trả lời hài lòng với hiện trạng này, phản ánh sự bảo lưu văn hóa và tính ổn định kéo dài của khuôn mẫu phân công lao động theo giới. Ngay cả trong những cuộc hôn nhân có sự phân công lao động trong gia đình không đồng đều, vốn phổ biến ở các xã hội như Nhật Bản, việc cùng nhau ra quyết định có thể mang lại sự đồng cảm nhiều hơn và ít căng thẳng hơn cho cả hai vợ chồng (Taniguchi và cộng sự, 2020).

3. Các nghiên cứu về biến đổi phân công lao động gia đình

Quan điểm chung về biến đổi phân công lao động gia đình

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng phân công lao động gia đình đang có sự thay đổi. Theo Lê Thị Quý (2010), biến đổi xã hội là quá trình chuyển đổi các khuôn mẫu hành vi, quan hệ, thiết chế và hệ thống phân tầng xã hội theo thời gian. Sự thay đổi này phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình truyền thống sang các hình thức phân công lao động linh hoạt hơn, chịu tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa và chính sách xã hội.

Biến đổi gia đình nằm trong sự biến đổi chung của xã hội, mang tính tích cực hoặc tiêu cực để từ đó tạo nên đặc thù của gia đình. Biến đổi gia đình có thể theo chu kỳ: bảo tồn cái thu thập trong quá khứ, đồng hóa có chọn lọc cái hiện tại và đổi mới trong tương lai (Hoàng Phương Mai, 2021).

Từ đó có thể nhận định rằng, biến đổi phân công lao động gia đình là sự thay đổi việc phân chia các nhiệm vụ, vai trò và bổn phận trong phạm vi gia đình giữa các thành viên gia đình trong một khoảng thời gian, không gian nhất định, đặt trong sự so sánh với tình trạng trong quá khứ, là kết quả của sự tác động qua lại giữa sự vật, hiện tượng, con người và xã hội tác động đến gia đình.

Nghiên cứu của Hoàng Bá Thịnh (2021) cho thấy bức tranh toàn cảnh về thực trạng biến đổi gia đình Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay), tập trung vào các chiều cạnh biến đổi về hôn nhân, loại hình gia đình, quy mô gia đình và chức năng cơ bản của gia đình, cũng như các nhân tố tác động đến biến đổi gia đình và mối liên hệ giữa chính sách và biến đổi gia đình Việt Nam. Cùng với đó, tác giả cũng nhận diện những thách thức mà gia đình Việt Nam đang đối diện, đề xuất những kiến nghị về chính sách và

các giải pháp nhằm tăng cường những giá trị tích cực của gia đình đối với xã hội và các cá nhân.

Dựa trên phân tích định lượng và định tính, Cao Thị Lan Anh (2021) đã làm rõ thực trạng phân công lao động giữa vợ và chồng về công việc gia đình trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê¹, từ đó đưa ra một số đánh giá về sự biến đổi vai trò giới của người Ê-đê khi kết hôn với các dân tộc khác, đặc biệt là với các dân tộc theo chế độ phụ hệ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phụ nữ Ê-đê có chồng thuộc các dân tộc phụ hệ vẫn đảm nhận chính công việc gia đình nhưng nhận được nhiều chia sẻ hơn từ người chồng. Quyền quyết định của họ giảm so với trước nhưng được cùng chồng bàn bạc. Đồng thời, nam giới Ê-đê trong hôn nhân dị tộc tham gia nhiều hơn vào nội trợ, chăm sóc con cái và đóng vai trò quyết định trong gia đình, dòng họ.

Biểu hiện của biến đổi phân công lao động gia đình

Đã manh nha xuất hiện những thay đổi trong cách sắp xếp phân công lao động gia đình của nhóm thanh niên hiện nay. Điều đó thể hiện trong công trình nghiên cứu của Brittany N. Dernberger, Joanna R. Pepin (2020). Theo đó, có sáu dạng thái độ giới: những người theo chủ nghĩa truyền thống, chủ nghĩa truyền thống mới, chủ nghĩa hiện thực thông thường, mô hình thu nhập kép, cha mẹ tận tâm và cha mẹ chuyên sâu. Giới trẻ hiện nay cởi mở hơn với phân công lao động gia đình, dù mô hình chồng làm trụ cột tài chính, vợ nội trợ vẫn phổ biến nhất.

Nghiên cứu về xung đột vai trò vợ chồng trong phân công lao động gia đình chỉ ra mâu thuẫn giữa công việc lao động - sản xuất và công việc gia đình xuất hiện khi: (a) thời gian dành cho một vai trò cản

trở vai trò khác; (b) căng thẳng từ một vai trò ảnh hưởng đến vai trò còn lại; (c) yêu cầu hành vi của một vai trò gây khó khăn cho việc thực hiện vai trò khác (Greenhaus và cộng sự, 1985).

Mannino và Deutsch (2007) đã khảo sát 81 phụ nữ có con nhỏ để phân tích chiến lược thúc đẩy sự tham gia của người chồng vào công việc gia đình. Kết quả cho thấy, phụ nữ quyết đoán đạt được sự phân chia chăm sóc con cái gần với mong muốn hơn. Thu nhập gia đình cao làm giảm mức độ quyết đoán của phụ nữ, nhưng khi chủ động, họ đạt được sự phân chia công bằng hơn. Đặc biệt, phụ nữ kiếm phần lớn thu nhập có ít thay đổi nhất trong phân công lao động gia đình, và chiến lược thúc đẩy đóng vai trò quan trọng trong hiệu quả điều chỉnh này.

Điều kiện hình thành biến đổi phân công lao động gia đình

Biến đổi phân công lao động sản xuất không chỉ diễn ra ở cấp độ cá nhân mà còn phản ánh sự thay đổi trong mô hình lao động gia đình nông thôn (Vũ Tuấn Huy, 1997).

Hệ tư tưởng giới ảnh hưởng đáng kể đến quyết định giảm giờ làm hoặc rút lui khỏi thị trường lao động. Phụ nữ có quan điểm bình đẳng ít có khả năng giảm sự tham gia vào thị trường lao động. Tuy nhiên, khi cả hai vợ chồng tin vào chủ nghĩa bản chất giới, phụ nữ lại có xu hướng giảm giờ làm việc nhiều hơn (Grunow và cộng sự, 2021).

Các lý thuyết xã hội học tiếp cận sự thay đổi trong phân công lao động gia đình theo nhiều hướng. Lý thuyết nguồn lực nhấn mạnh tác động của học vấn, thu nhập và địa vị nghề nghiệp, cho thấy sự chênh lệch thu nhập vợ - chồng càng nhỏ thì sự phân công lao động càng cân bằng. Từ quan điểm giới, định hướng bình đẳng của

¹Người Ê-đê theo chế độ mẫu hệ

vợ chồng cũng góp phần thúc đẩy chia sẻ công việc gia đình, với tác động rõ rệt hơn ở phụ nữ, dù mối quan hệ này không tuyệt đối (Vũ Tuấn Huy, Deborah S. Carr, 2000).

4. Kết luận

Phân công lao động trong gia đình đã được đề cập rộng rãi trong các nghiên cứu trong nước và quốc tế, với sự đa dạng về phương pháp tiếp cận, tạo nền tảng lý luận và thực tiễn cho các nghiên cứu tiếp theo. Chủ đề này tiếp tục thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, với điểm chung là xem gia đình ở trung tâm phân tích.

Có nhiều nghiên cứu về phân công lao động gia đình, mỗi công trình áp dụng phương pháp và góc tiếp cận khác nhau theo khu vực và nhóm dân cư. Tuy nhiên, tài liệu chuyên sâu bằng tiếng Việt về biến đổi phân công lao động gia đình trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn hạn chế. Do đó, việc tìm ra góc tiếp cận mới hoặc đào sâu vấn đề nghiên cứu cũ là hết sức cần thiết. Nghiên cứu không chỉ đòi hỏi phân tích lý luận cơ bản về phân công lao động gia đình, xác định quan điểm tiếp cận đúng đắn, mà còn cần khảo sát thực tiễn cuộc sống gia đình hiện nay, kết hợp với việc đánh giá lịch sử phát triển xã hội nông thôn Việt Nam để làm rõ sự biến đổi phân công lao động gia đình trong bối cảnh mới □

Tài liệu tham khảo

1. Cao Thị Lan Anh (2021), “Phân công lao động giữa vợ và chồng về công việc gia đình trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, 3 (31), 41-54.
2. Kiều Thị Ngọc Anh (2015), *Chức năng gia đình trong quá trình đô thị hóa ở Hà Nội hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Becker, Gary S. (1985), “Human capital, effort, and the sexual division of labor”, *Journal of Labor Economics*, 3 (1), doi:<https://doi.org/10.1086/298075>
4. Braun, M., Lewin-Epstein, Noah, Stier, Haya, Baumgärtner, Miriam K. (2008), “Perceived equity in the gendered division of household labor”, *Journal of Marriage and Family*, 1145-1156, doi:<https://doi.org/10.1111/j.1741-3737.2008.00556.x>
5. Carlson, Daniel L., Lynch, Jamie L. (2013), “Housework: Cause and consequence of gender ideology?”, *Soc Sci Res*, 42 (6), 1505-1518, doi:[10.1016/j.ssresearch.2013.07.003](https://doi.org/10.1016/j.ssresearch.2013.07.003)
6. Carlson, Matthew W., Hans, Jason D. (2020), “Maximizing benefits and minimizing impacts: dual-earner couples’ perceived division of household labor decision-making process”, *Journal of Family Studies*, 26, 208-225, doi:<https://doi.org/10.1080/13229400.2017.1367712>
7. Hồ Ngọc Châm (2015), “Việc làm không được trả công của phụ nữ trong gia đình nông thôn: Thực trạng và hệ quả tác động”, *Tạp chí Xã hội học*, 132 (4), 81-90.
8. Cronin, Adam L. (2022), *Encyclopedia of animal cognition and behavior*.
9. Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa (2012), *Từ điển Xã hội học Oxford (Oxford Dictionary of Sociology)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Del Boca, D., Oggero, N., Profeta, P., Rossi, M. (2020), “Women’s and men’s work, housework and childcare, before and during Covid-19”, *Review*

- of Economics of the Household*, 18, 1001-1017, doi:<https://doi.org/10.1007/s11150-020-09502-1>
11. Dernberger, Brittany N., Pepin, Joanna R. (2020), "Gender flexibility, but not equality: Young adults' division of labor preferences", *Sociological Science*, 7, doi:10.15195/v7.a2
 12. Greenhaus, Jeffrey H., Beutell, Nicholas J. (1985), "Sources of conflict between work and family roles", *The Academy of Management Review*, 10 (1), 76-88, doi:<https://doi.org/10.2307/258214>
 13. Greenstein, T. (1996), "Husbands' participation in domestic labor: Interactive effects of wives' and husbands' gender ideologies", *Journal of Marriage and Family*, 58, 585-595, doi:<https://doi.org/10.2307/353719>
 14. Grunow, Daniela, Lietzmann, Torsten (2021), Women's employment transitions: The influence of her, his, and joint gender ideologies, *Demographic Research*, doi:<https://doi.org/10.4054/DEMRES.2021.45.3>
 15. Đỗ Hoàng (2006), "Thực trạng định kiến đối với vai trò của nam giới và phụ nữ trong gia đình", *Tạp chí Tâm lý học*, 92 (11), 10-15.
 16. Vũ Tuấn Huy (1997), "Phân công lao động trong kinh tế hộ gia đình nông thôn - vấn đề giới trong cơ chế thị trường", *Tạp chí Xã hội học*, 4 (60), 47-54.
 17. Vũ Tuấn Huy, Deborah S.Carr (2000), "Phân công lao động nội trợ trong gia đình", *Tạp chí Xã hội học*, 4 (72), 43-52.
 18. Koster, Tara, Poortman, Anne-Rigt, Van Der Lippe, Tanja, Kleingeld, Pauline (2021), "Fairness perceptions of the division of household labor: housework and childcare", *Journal of Family Issues*, 43 (3), doi:<https://doi.org/10.1177/0192513X21993899>
 19. Lippe, T., Ruijter, J., Ruijter, E., Raub, W. (2011), "Persistent inequalities in time use between men and women: A detailed look at the influence of economic circumstances, policies, and culture", *European Sociological Review*, 27, 164-179, doi:<https://doi.org/10.1093/ESR%2FJCP066>
 20. Vũ Mạnh Lợi (2000), "Một số quan điểm lý thuyết về giới trong nghiên cứu gia đình", *Tạp chí Xã hội học*, 4 (72), 12-17.
 21. Hoàng Phương Mai (2021), *Gia đình của người Sán Dìu vùng chân núi Tam Đảo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 22. Nguyễn Đức Mạnh (2005), *Nghiên cứu nhu cầu dịch vụ gia đình Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ, Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em.
 23. Mannino, Clelia Anna, Deutsch, F. (2007), "Changing the division of household labor: A negotiated process between partners", *Sex Roles*, 56, 309-324, doi:<https://doi.org/10.1007/S11199-006-9181-1>
 24. Nguyễn Hữu Minh, Nguyễn Thị Phương (2021), "Phân công lao động theo giới trong gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Phát triển bền vững vùng*, 1 (11), 99-109.
 25. Hoàng Thị Nga (2015), "Phân công lao động trong gia đình của thanh niên ngoại thành Hà Nội hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu khoa học công đoàn*, 1, 50-63.
 26. Newkirk, Katie, Perry-Jenkins, Maureen, Sayer, Aline G. (2017), Division of household and childcare labor and relationship conflict among low-income new parents, *Sex Roles*, 76 (5), 319-333, doi:10.1007/s11199-016-0604-3

27. Offer, Shira (2014), "Time with children and employed parents' emotional well-being", *Social Science Research*, 47, 192-203. doi:https://doi.org/10.1016/j.ssresearch.2014.05.003
28. Murdock, George Peter (1972), *De la structure sociale*, Payot, Paris.
29. Sayer, Liana C., England, Paula, Bittman, Michael (2009), "How long is the second (plus first) shift? Gender differences in paid, unpaid, and total work time in Australia and the United States", *Journal of Comparative Family Studies*, 40 (4), 523-545, doi:https://doi.org/10.2307/41604549
30. Taniguchi, Hiromi, Kaufman, G. (2020), "Sharing the load: housework, joint decision-making, and marital quality in Japan", *Journal of Family Studies*, 28, 914-933, doi:https://doi.org/10.1080/13229400.2020.1769707
31. Thanh Lê (2003), *Xã hội học phương Tây*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
32. Hoàng Bá Thịnh (2021), *Biến đổi gia đình Việt Nam trong quá trình phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. UN Women (2016), *Tài liệu thảo luận chính sách: Công việc chăm sóc không lương - Những vấn đề đặt ra và gợi ý chính sách cho Việt Nam*.
34. Yavorsky, Jill E., Kamp Dush, Claire M., Schoppe-Sullivan, Sarah J. (2015), "The Production of Inequality: The Gender Division of Labor Across the Transition to Parenthood", *J Marriage Fam*, 77 (3), 662-679, doi:10.1111/jomf.12189

(tiếp theo trang 44)

19. SIPRI (2020), *The SIPRI Military Expenditure Database*, Stockholm International Peace Research Institute, <https://www.sipri.org/databases/milex>
20. Taddeo, M. (2018), "Cyber war and the ethics of statecraft", *Journal of Information Technology & Politics*, 15 (2), 129-146.
21. Tilly, C. (1992), *Coercion, Capital, and European States, AD 990-1992*, Blackwell.
22. UCDP (2020), *Uppsala Conflict Data Program (UCDP) Conflict Encyclopedia*, Uppsala University, <https://ucdp.uu.se/>
23. United Nations High Commissioner for Refugees (2020), *Global trends: Forced displacement in 2019*, UNHCR, <https://www.unhcr.org/globaltrends2019/>
24. Wallensteen, P. (2015), *Understanding conflict resolution: War, Peace and the Global system*, Sage Publications.
25. World Bank (2021), *World Development Indicators 2021*, World Bank Group, <https://databank.worldbank.org/source/international-comparison-program>